

đổi đủ, thì được giữ lại một bộ phận sản phẩm để xuất khẩu, tạo khả năng tự nhập khẩu số vật tư mà Nhà nước chưa cân đổi đủ. Mức sản phẩm được giữ lại phải ghi vào kế hoạch và được duyệt cùng một lần với kế hoạch sản xuất của xí nghiệp, ngoại tệ thu được không phải kết hối, nhưng phải gửi vào tài khoản ngân hàng ngoại thương.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1986. Những nội dung của nghị quyết số 156-HĐBT không trái với quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

Riêng đối với những xí nghiệp được Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định chọn làm đơn vị thí điểm về mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất kinh doanh thì được áp dụng những quy định của tiêu ban chỉ đạo trong khi làm thí điểm.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
ĐỖ MƯỜI

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 288-HĐBT ngày 31-12-1985 quy định việc thi hành Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được công bố theo Lệnh của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 14-LCT/HĐNN7 ngày 31 tháng 3 năm 1984;

Đề việc bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đạt được mục đích giáo dục truyền thống dựng

nước và giữ nước của dân tộc; giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và lòng tự hào dân tộc; phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, phổ biến khoa học, nghệ thuật và tham quan du lịch, đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân; làm giàu đẹp kho tàng văn hóa dân tộc và góp phần làm phong phú văn hóa thế giới;

Xét đề nghị của Bộ Văn hóa,

NGHỊ ĐỊNH

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh là tài sản vô giá trong kho tàng di sản lâu đời của dân tộc Việt Nam. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng có hiệu quả các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; các cơ quan có trách nhiệm phải tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình trong việc bảo vệ và sử dụng các di tích lịch sử và danh lam, thắng cảnh.

Điều 2. — Di tích lịch sử, văn hóa là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật và giá trị văn hóa khác hoặc có liên quan đến những sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa, xã hội.

Danh lam thắng cảnh là những khu vực thiên nhiên có cảnh đẹp hoặc có công trình xây dựng đẹp nổi tiếng.

Cụ thể là những đối tượng sau đây:

1. Những di tích và di chỉ có liên quan đến sự phát triển lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, sự phát triển văn hóa và xã hội Việt Nam.

2. Những di tích và di chỉ phản ánh nguồn gốc loài người và các tộc người ở Việt Nam, phản ánh nền văn minh vật chất và tinh thần của thời cổ đại.

3. Những di tích có liên quan đến cuộc đời hoạt động và sáng tạo của các anh hùng dân tộc, các nhà hoạt động

chính trị, các nhà hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật lỗi lạc.

4. Những công trình kiến trúc điêu khắc, các tác phẩm nghệ thuật, các tài liệu lưu trữ và thư viện, các tiêu bản và mẫu vật, những bộ sưu tập... có liên quan đến sự phát triển lịch sử và văn hóa dân tộc.

5. Những cảnh đẹp thiên nhiên như hang động, núi rừng, biển hồ, những thắng cảnh trên mọi miền đất nước, những công trình xây dựng cổ, đẹp nổi tiếng.

6. Các đối tượng khác có giá trị là di tích lịch sử, văn hóa.

Bộ Văn hóa quy định chi tiết danh mục và tiêu chuẩn các đối tượng được coi là di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Điều 3. — Các di tích lịch sử, văn hóa thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, hoặc thuộc quyền sở hữu của tập thể, cá nhân. Các danh lam, thắng cảnh thuộc quyền sở hữu toàn dân.

Di tích lịch sử, văn hóa thuộc sở hữu tập thể hoặc cá nhân được Nhà nước bảo hộ, được hướng dẫn và giúp đỡ trong việc bảo quản và sử dụng, được khuyến khích việc ký gửi hoặc tặng cho Nhà nước.

Khi chuyển quyền sở hữu di tích lịch sử, văn hóa thuộc sở hữu tập thể hoặc cá nhân, người chủ phải báo trước cho Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn biết, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn phải báo kịp thời với Sở Văn hóa tỉnh, thành phố.

Trong trường hợp người chủ muốn bán di tích lịch sử, văn hóa thuộc sở hữu của mình thì các cơ quan bảo tồn bảo tàng được quyền mua ưu tiên theo giá thỏa thuận.

Điều 4. — Nghiêm cấm việc làm hư hại, tiêu hủy, chiếm giữ trái phép di tích lịch sử, văn hóa hoặc danh lam, thắng cảnh.

Nghiêm cấm việc trao đổi, mua bán trái phép di tích lịch sử, văn hóa. Cấm mang

di tích lịch sử, văn hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép.

II. THẺ THỨC ĐĂNG KÝ, CÔNG NHẬN DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH

Điều 5. — Tất cả những di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh không kê thuộc quyền sở hữu của ai đều phải được đăng ký, kiểm kê, công nhận để đặt dưới quyền quản lý thống nhất của Nhà nước.

Điều 6. — Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính tương đương chịu trách nhiệm tổ chức việc đăng ký các đối tượng được xác định là di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh và lập hồ sơ đề nghị công nhận theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa.

Căn cứ vào đề nghị của các Ủy ban Nhân dân nói trên, Bộ Văn hóa ra quyết định công nhận và phân loại các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh.

Các cơ quan bảo tàng thuộc Bộ Văn hóa và của các ngành, các thư viện và cơ quan lưu trữ. Nhà nước tổ chức đăng ký, kiểm kê những di tích lịch sử, văn hóa thuộc cơ quan mình quản lý.

Bộ Văn hóa quy định những chi tiết về hồ sơ và thủ tục đăng ký, kiểm kê, hồ sơ đề nghị công nhận di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Điều 7. — Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có nhiệm vụ kê khai những đối tượng quy định ở điều 2 của nghị định này thuộc quyền sử dụng hoặc sở hữu của mình thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương.

Điều 8. — Người phát hiện các đối tượng có dấu hiệu là di tích lịch sử, văn hóa có trách nhiệm bảo vệ nguyên trạng và báo với cơ quan quản lý di tích, thắng cảnh để xử lý kịp thời.

Điều 9. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa được quyền xóa tên một di tích lịch sử, văn hóa hoặc một thắng cảnh trong trường hợp di tích hoặc thắng cảnh đó bị hủy hoại hoàn toàn hoặc được xác minh lại là không đủ tiêu chuẩn.

III. VIỆC BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH.

Điều 10. — Việc quản lý di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh quy định như sau :

1. Bộ Văn hóa chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bộ trưởng tổ chức và chỉ đạo việc bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trong phạm vi cả nước; hướng dẫn và chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển bảo tàng trong cả nước; trực tiếp quản lý những di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đặc biệt quan trọng, những bảo tàng quốc gia.

2. Các Bộ và các ngành khác, sau khi thỏa thuận với Bộ Văn hóa, được phép xây dựng và trực tiếp quản lý những bảo tàng chuyên ngành.

3. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương tổ chức và chỉ đạo việc bảo vệ, sử dụng và quản lý các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, các bảo tàng thuộc địa phương mình trừ những đối tượng được giao cho Bộ Văn hóa quản lý; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh thuộc quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật; thanh tra và xử lý các vụ vi phạm các quy định về việc bảo vệ và sử dụng di tích, thắng cảnh trong địa phương.

4. Bộ Văn hóa chịu trách nhiệm trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định danh mục những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh do Bộ Văn hóa trực tiếp quản lý; ban hành quy chế bảo vệ và sử dụng các

di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Quy chế bảo vệ và sử dụng những di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đặc biệt quan trọng phải được chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn.

Điều 11. — Mỗi di tích lịch sử, văn hóa là bất động sản hoặc thắng cảnh có từ một đến ba khu vực bảo vệ :

Khu vực I phải được bảo tồn nguyên trạng mọi yếu tố gốc còn lại. Nghiêm cấm bất cứ một sự thay đổi, bổ sung mới nào dù là nhỏ nhất. Trường hợp trung tu di tích thì phải theo đúng mẫu cũ.

Khu vực II là khu vực bao quanh khu vực I có thể được xây dựng bia, tượng đài hoặc những công trình văn hóa khác nhằm mục đích tôn tạo khu vực di tích, thắng cảnh.

Khu vực III là khung cảnh thiên nhiên và thắng cảnh của di tích; có thể được xây dựng thêm những công trình dịch vụ như nhà tiếp khách, nhà văn hóa, hoặc vườn hoa, công viên, nhưng phải bảo đảm sự hài hòa không gian của di tích, thắng cảnh.

Mọi công trình xây dựng trên các khu vực bảo vệ của di tích, thắng cảnh phải được phép của Bộ Văn hóa. Bộ Văn hóa quy định thể thức khoanh vùng bảo vệ di tích, thắng cảnh.

Điều 12. — Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương lập bản đồ khoanh vùng bảo vệ những di tích, thắng cảnh thuộc quyền quản lý của mình và đề nghị Bộ Văn hóa quyết định.

Bộ Văn hóa lập bản đồ khoanh vùng bảo vệ những di tích, thắng cảnh đặc biệt quan trọng trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 13. — Việc thăm dò, khai quật khảo cổ học phải theo các quy định sau đây :

1. Việc thăm dò, khai quật khảo cổ học chỉ được tiến hành sau khi có giấy phép của Bộ Văn hóa.

2. Người thực hiện việc thăm dò, khai quật, phải có đủ trình độ chuyên môn về khảo cổ học từ bậc đại học trở lên.

3. Các hiện vật khảo cổ học khai quật được đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

Điều 14. — Các cơ quan quản lý trực tiếp di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh được phép vận động nhân dân tự nguyện đóng góp vào việc bảo quản, tu bổ di tích và thắng cảnh.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa cùng Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc thực hiện điều này.

Điều 15. — Chủ sở hữu di tích lịch sử, văn hóa được sử dụng di tích lịch sử, văn hóa vào mục đích đã quy định ở Pháp lệnh và nghị định này. Khi cần thiết vì lợi ích chung, các cơ quan bảo tồn bảo tàng có thể mượn trong một thời gian tối đa là 6 tháng những di tích lịch sử, văn hóa thuộc sở hữu tập thể hoặc cá nhân.

Các cơ quan bảo tồn, bảo tàng được quyền ưu tiên đến nghiên cứu các di tích lịch sử, văn hóa thuộc quyền sở hữu tập thể hoặc cá nhân.

IV. KHEN THƯỞNG VÀ XỬ PHẠT

Điều 16. — Tập thể hoặc cá nhân nào có công phát hiện hoặc nghiên cứu khoa học làm phong phú kho tàng di tích lịch sử, văn hóa hoặc có thành tích trong việc bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa cho Nhà nước thì được khen thưởng thích đáng.

Điều 17. — Người nào vi phạm những điều quy định trong Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh và trong nghị định này thì tùy theo mức độ nặng nhẹ mà bị xử phạt theo các hình thức dưới đây:

- Phạt vi cảnh, phạt tiền.
- Bồi thường bằng hiện vật, bằng tiền.
- Truy tố trước pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định cụ thể việc thưởng, phạt theo quy định ở các điều 16, 17 trên đây.

V. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 18. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Nghị định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 289-HĐBT ngày 31-12-1985 về việc thành lập huyện Hiệp Đức thuộc tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Quyết định số 64B-HĐBT ngày 12-9-1981 của Hội đồng Bộ trưởng;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng và Ban Tổ chức của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay thành lập huyện Hiệp Đức trên cơ sở 1200 hécta diện tích tự nhiên với 10.502 nhân khẩu của hai xã thuộc huyện Thăng Bình; 17999,86 hécta diện tích tự nhiên với 15082 nhân khẩu của 4 xã thuộc huyện Quế Sơn; 18650 hécta